

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 247/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030
vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Quan điểm và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 của quốc gia và của tỉnh; định hướng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên; phù hợp với Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2026 - 2030; Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng giai đoạn 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.

- Tập trung bố trí vốn để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo bước đột phá góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, tập trung đầu tư cho các xã khó khăn, ưu tiên đầu tư dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của tỉnh, nhiệm vụ quy hoạch, các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, quốc phòng, an ninh, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi xanh.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với đề cao trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; giảm thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư công, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

2. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn

Tuân thủ nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên.

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên

Tổng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân sách địa phương tỉnh Thái Nguyên là 19.774.730 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh quản lý): 19.500.000 triệu đồng.

- Vốn xỏ số kiến thiết: 274.730 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 vốn ngân sách địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

Phụ lục I**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN***(Kèm theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		
			Tiết kiệm chi theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	
	TỔNG SỐ	19,774,730	139,645	19,635,085	
1	Vốn từ thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh quản lý)	19,500,000	137,395	19,362,605	Chi tiết tại Phụ lục II
2	Vốn xổ số kiến thiết	274,730	2,250	272,480	Chi tiết tại Phụ lục III

Phụ lục II**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN VỐN TỪ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH QUẢN LÝ***(Kèm theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG			46,378,465	21,588,001	24,317,576	19,500,000	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			1,017,598	397,000	590,259	124,530	
a	Dự án hoàn thành trong năm 2026			1,017,598	397,000	590,259	124,530	
1	Dự án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn giai đoạn 2021 - 2025	Công an tỉnh	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31/3/2022; Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	108,141		99,580	20,000	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Công an tỉnh	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024 Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	352,457		330,679	15,350	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025	Công an tỉnh	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60,000		60,000	1,180	
4	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II	Công an tỉnh	Quyết định số 3867/QĐ-BCA-H02 ngày 27/5/2024	497,000	397,000	100,000	88,000	
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			120,000	0	120,000	61,592	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			120,000	0	120,000	61,592	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông số 2 Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	120,000		120,000	61,592	
III	Văn hóa, thông tin			19,000	0	19,000	19,000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			19,000	0	19,000	19,000	
1	Dự án xây dựng kè chống sạt trượt di tích lịch sử Đền Hích	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	19,000		19,000	19,000	
IV	Thể dục, thể thao			1,109,114	200,000	909,114	310,157	
a	Dự án hoàn thành trong năm 2026			535,992	200,000	335,992	52,676	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 04/11/2021; Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 09/12/2021; Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	535,992	200,000	335,992	52,676	
b	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			573,122	0	573,122	257,481	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023; Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	260,000		260,000	44,343	
2	Xây dựng Trung tâm Thể dục thể thao (nay là Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao) và Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 25/01/2024; Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	313,122		313,122	213,138	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
V	Bảo vệ môi trường			30,648	0	30,648	17,397	
	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			30,648	0	30,648	17,397	
1	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	30,648		30,648	17,397	
VI	Các hoạt động kinh tế			43,073,734	20,991,001	21,882,733	17,389,671	
*	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			12,123,897	4,753,345	7,370,552	7,130,265	
a	Dự án hoàn thành trong năm 2026			188,000	0	188,000	71,495	
1	Các khu dân cư và khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc (Khu số 1)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 21/01/2026	188,000		188,000	71,495	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
b	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			641,373	0	641,373	519,261	
1	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Sông Công II)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	33,812		33,812	22,680	
2	Mở rộng khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2, xã Tân Quang (khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	292,861		292,861	242,630	
3	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2, xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	314,700		314,700	253,951	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
c	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			11,294,524	4,753,345	6,541,179	6,539,509	
1	Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên (Công trình: Xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huống)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	8,512,000	4,256,000	4,256,000	4,254,530	
2	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính hồ Núi Cốc đoạn ĐT.267 - ĐT.266	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	822,345	497,345	325,000	324,800	
3	Kè chống sạt lở bờ sông Cầu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 31/3/2026	158,000		158,000	158,000	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	151,116		151,116	151,116	
5	Cắm mốc chỉ giới không gian thoát lũ, chứa lũ; mốc cảnh báo lũ; chỉ giới khu vực khu dân cư hiện có trước mắt được tồn tại khu vực có đê	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	12,585		12,585	12,585	
6	Khu tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	696,180		696,180	696,180	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Khu tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	825,918		825,918	825,918	
8	Lập quy trình vận hành hồ chứa nước, xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Thái Nguyên	Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 17/4/2026	79,000		79,000	79,000	
9	Dự án xây dựng kè bảo vệ chống sạt lở bờ sông, suối phía Bắc tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	37,380		37,380	37,380	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
*	Giao thông			30,938,337	16,237,656	14,500,681	10,249,907	
a	Dự án hoàn thành trong năm 2026			11,488,196	7,261,228	4,226,968	1,570,144	
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 11/4/2025; Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 11/12/2025	4,204,000	3,355,404	848,596	211,150	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 23/3/2025; Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30/9/2025	699,358	345,824	353,534	2,837	
3	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT.269B tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 17/02/2023; Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	222,765		222,765	6,122	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục, thành phố Phổ Yên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	137,908		137,908	86,925	
5	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2024 Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; số 2753/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	698,464	0	698,464	281,731	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Đường kết nối ĐT.265 (xã Bình Long, huyện Võ Nhai) đi Bắc Giang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 23/7/2024; Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 29/10/2025	291,055	0	291,055	92,968	
7	Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/01/2024; Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 21/8/2024; Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2025	923,241	0	923,241	480,170	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024; Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	397,813	0	397,813	180,549	
9	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Km0+00 - km1+45)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75,782		75,782	51,384	
10	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 07/12/2019; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 13/7/2021;	3,837,809	3,560,000	277,809	176,308	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29/8/2022; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/4/2024; Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 14/10/2020; Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 01/8/2024; Quyết định số 2161/QĐ-UBND					

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
b	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			2,088,981	-	1,888,981	1,089,210	
1	Cầu Quang Vinh 1, cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 09/11/2021; Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 29/8/2022; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/4/2024; Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 15/5/2024; Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	1,528,400		1,528,400	913,417	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 16/7/2024; Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 08/04/2025	210,581		210,581	120,264	
3	Xây dựng Cầu An Long và Đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	Ủy ban nhân dân xã Đại Phúc	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	350,000		150,000	55,529	
c	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			17,361,160	8,976,428	8,384,732	7,590,553	
1	Dự án Xây dựng mới cầu Gia Bảy	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 05/12/2025; Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	617,262		617,262	207,462	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Tuyến đường từ Ngã ba Na Oai đến Cụm công nghiệp Quang Sơn 1, Trường tiểu học Quang Sơn và Trường mầm non Quang Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 04/11/2025; Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	99,711	0	99,711	99,211	
3	Tuyến kết nối phía Tây Nam Khu công nghiệp Yên Bình 3 với đường 47m	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	1,555,602		1,555,602	1,338,602	
4	Tuyến đường từ Quảng trường Vạn Xuân đi Đông Tam Đảo (Kết nối Tuyến đường Liên kết các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	1,173,391		1,173,391	1,173,391	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	1,948,958	1,615,000	333,958	333,768	
6	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 266 (ĐT.266)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 24/3/2026	122,513	0	122,513	122,463	
7	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 270 (đoạn từ nút giao Quang Trung - nút giao Tố Hữu)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	76,403	0	76,403	76,353	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.261 đoạn từ Km22+500 đến Km38+00, tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 26/03/2026	621,518	0	621,518	621,398	
9	Đường du lịch Sông Công - Núi Cốc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	538,668	0	538,668	538,668	
10	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đi Khu du lịch hồ Núi Cốc (đoạn từ đường Bắc Sơn đến ngã ba Góc Mít và đường ĐT.270 đoạn từ Km8+090 - Km14+100)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 23/4/2026	1,251,784	1,001,428	250,356	250,196	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Chương trình hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 10/12/2025; Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	1,916,350	1,280,000	636,350	523,790	
12	Tuyến đường liên kết, kết nối tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Tuyên Quang (đoạn từ Km11+500 ĐT.261 đến giáp ranh địa phận tỉnh Tuyên Quang)			5,870,000	5,080,000	790,000	787,151	
13	Xây dựng tuyến đường kết nối đường cao tốc (CT.07) vào phường Bắc Kạn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 03/4/2026	775,000		775,000	774,300	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	Xây dựng các công trình vượt đòng tại các vị trí ngầm, tràn trên các tuyến đường tỉnh lộ khu vực phía Bắc tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	660,000		660,000	659,800	
15	Xây dựng cầu Tân Kỳ, tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phía Bắc	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	134,000		134,000	84,000	
*	Quy hoạch			11,500	0	11,500	9,500	
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành năm 2026</i>			<i>11,500</i>	<i>-</i>	<i>11,500</i>	<i>9,500</i>	
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	11,500	0	11,500	9,500	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			719,452	0	719,452	309,713	
a	<i>Dự án hoàn thành trong năm 2026</i>			469,452	0	469,452	110,293	
1	Xây dựng trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405,000		405,000	74,486	
2	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các chi cục trực thuộc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	64,452		64,452	35,807	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030</i>			250,000	0	250,000	199,420	
1	Dự án xây dựng Trường Chính trị tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên	250,000		250,000	199,420	
VIII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			288,920	0	46,370	40,384	
*	Đổi ứng dự án ODA			288,920	-	46,370	40,384	
1	Dự án hỗ trợ kinh tế tuần hoàn xanh thông qua cải thiện chuỗi giá trị nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam tại tỉnh Bắc Kạn	Ban Quản lý các dự án vốn nước ngoài	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 30/10/2024; Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	288,920		46,370	40,384	

TT	Danh mục dự án/chương trình	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
IX	Tiết kiệm 05% theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội			0	0	0	137,395	
X	Chuẩn bị đầu tư và bố trí vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			0	0	0	1,090,160	

Phụ lục III**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT***(Kèm theo Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ dự án/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyet dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách địa phương		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	TỔNG SỐ			559,447	53,525	477,722	274,730	
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			292,722	0	292,722	231,930	
a	Chuẩn bị đầu tư dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			0	0	0	1,000	
1	Trường Trung học phổ thông Dương Tự Minh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên					1,000	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ dự án/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyet dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030			292,722	0	292,722	230,930	
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông số 2 Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	120,000		120,000	58,208	
2	Nhà lớp học Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Thái Nguyên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	13,784		13,784	13,784	
3	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Yên Hân	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	25,000		25,000	25,000	
4	Nhà lớp học Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Phổ Yên	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	19,671		19,671	19,671	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ dự án/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyet dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất Trường Trung học phổ thông Phú Lương	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	44,267		44,267	44,267	
6	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bắc Kạn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	12,000		12,000	12,000	
7	Trường Phổ thông dân tộc Nội trú Ba Bể	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh	58,000		58,000	58,000	
II	Y tế, dân số và gia đình			266,725	53,525	185,000	40,550	
	Dự án hoàn thành trong năm 2026			266,725	53,525	185,000	40,550	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Chủ dự án/Đơn vị thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyet dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định: số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021, số 3034/QĐ-UBND ngày 30/11/2023, số 2101/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Các Nghị quyết: số 85/NQ- HĐND ngày 29/9/2023; số 114/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	266,725	53,525	185,000	40,550	
III	Tiết kiệm 05% theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội						2,250	